

Bản án số: /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2022
V/v: “*Tranh chấp quan hệ hôn nhân*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Đê
2. Bà Vũ Thị Phương Hạnh
- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp quan hệ hôn nhân*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06-6-2022, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (có mặt).
Trú tại: Tổ 1, khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
2. Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).
Trú tại: Tổ 1, khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. *Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn T tự nguyện chung sống từ năm 2010 có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B ngày 11-5-2010. Sau khi kết hôn, ông T đăng ký hộ khẩu tại gia đình bà H ở Tổ 1, khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và sống chung với gia đình vợ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn nhưng sau đó thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng không có con chung nên ông T sinh ra buồn chán nhụt nhệ. Đến năm 2017, ông T bỏ đi không còn chung sống với bà H nữa, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 tới nay, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay tình cảm không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Trước khi làm đơn khởi kiện việc ly hôn bà H có báo cho ông T biết và ông T cũng đồng ý ly hôn nhưng vì công việc bận nên ông T không đến Tòa làm việc, ông T yêu cầu bà cứ làm đơn xin đơn phương ly hôn. Hiện ông T đi làm xa nhưng vẫn đang đăng ký hộ khẩu tại Tổ 1, khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cùng với gia đình bà H.

Thời gian Tòa án giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa để tham gia hòa giải, bà và ông T cũng không gặp nhau, vợ chồng không có ai có thiện chí muốn hàn gắn, tình cảm thực sự không còn nên bà H vẫn yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[2]. Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10-5-2022 bị đơn ông Phan Văn T trình bày:

Ông T khai về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giống như bà H đã trình bày, ông T cũng xác nhận giữa ông và bà H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có con chung làm cho ông buồn chán dẫn đến thường xuyên cãi vã, xung đột. Từ năm 2017 đến nay ông và bà H sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm thương yêu chăm sóc nhau. Nay thấy rằng mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng đến mức không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn với bà H. Về con chung: Ông và bà H không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc ông T không thể đến Tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà H đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông T; về con chung: không có; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu; về án phí: bà H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn, ông Phan Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Bà Rịa nên tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phan Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn T là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng không có con chung từ đó ông T buồn chán, thường xuyên nhậu nhẹt nên vợ chồng xảy ra cãi vã, bất hòa. Từ năm 2017 đến nay ông T bỏ đi, vợ chồng không còn chung sống, tình cảm ngày càng phai nhạt, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã nhiều lần vận động hòa giải nhưng bà H vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T vì theo bà giữa ông bà không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài từ lâu nên không thể hàn gắn.

Bản thân ông T dù không đến Toà tham gia các phiên hoà giải cũng như phiên toà hôm nay nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt ông T đã trình bày nguyện vọng về quan hệ hôn nhân với bà H. Ông T xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật và không thể hàn gắn nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà H. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T thực sự không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông T.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông T không có con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà H phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

+ **Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phan Văn T.

+ **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn T không có con chung.

+ **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Phạm Thị H không có yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004382 ngày 01-4-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17-6-2022), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TPBR;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS TPBR;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Anh

